

1. Điểm 3, phần I Thông tư số 35-TC/HCSN ngày 12-7-1996 của Bộ Tài chính đề nghị: thay Nghị định số 177-CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn Nghị định bằng Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 43-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về ban hành Quy chế Đấu thầu, Nghị định số 92-CP, số 93-CP ngày 23-8-1997 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Nghị định số 42-CP và 43-CP nói trên và các Thông tư hướng dẫn các Nghị định.

2. Điểm a, mục 2, phần II Thông tư số 35-TC/HCSN ngày 12-7-1996 của Bộ Tài chính sửa lại như sau:

- Bộ Tài chính cấp phát kinh phí theo tiến độ công việc được triển khai, khi đơn vị có đầy đủ các hồ sơ theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với kinh phí chương trình mục tiêu thuộc nguồn vốn xây dựng cơ bản thì đơn vị phải thực hiện đúng thủ tục quy định tại Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 43-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Đấu thầu, Nghị định số 92-CP, Nghị định số 93-CP ngày 23-8-1997 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một điểm trong Nghị định số 42-CP, Nghị định số 43-CP nói trên và các Thông tư hướng dẫn về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Điểm b, mục 2, phần II Thông tư số 35-TC/HCSN ngày 12-7-1996 của Bộ Tài chính bổ sung thêm:

- Chi phí cho công tác quản lý, vận hành, bảo quản, sửa chữa thường xuyên số thiết bị nhận được từ chương trình mục tiêu được dự toán chung trong tổng dự toán chi ngân sách chi thường xuyên hàng năm của các Đài Phát thanh - Truyền hình địa phương theo luật quy định. Riêng năm 1998, kinh phí này sử dụng trong dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê duyệt và Chính phủ thông báo cho các địa phương.

4. Mục 3, phần II của Thông tư sửa lại nội dung sau:

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các Đài Phát thanh - Truyền hình địa phương và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ phải tổ chức công tác hạch toán kế toán và báo cáo quyết toán quý, năm theo quy định tại

Quyết định số 999-TC/QĐ/CĐKT ngày 2-11-1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Thông tư có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không đề cập đến trong Thông tư này vẫn giữ nguyên như quy định tại Thông tư số 35-TC/HCSN ngày 12-7-1996 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để bổ sung, sửa đổi kịp thời.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

TÀO HỮU PHÙNG

THÔNG TƯ số 23/1998/TT-BTC ngày 20-2-1998 hướng dẫn phân loại, xử lý nợ đọng thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

Trong thời gian qua, việc chấp hành các luật và pháp lệnh thuế đã dần đi vào nề nếp, nhiều tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh có thu nhập chịu thuế đều nộp thuế đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, cũng còn một số những đơn vị còn nợ thuế kéo dài năm này qua năm khác, làm ảnh hưởng đến việc chấp hành luật thuế đã ban hành. Chính phủ cũng có chủ trương tập trung tháo gỡ khó khăn cho một số doanh nghiệp thời gian qua đã có nhiều cố gắng vươn lên, đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất nhưng do hậu quả của cơ chế cũ để lại và những nguyên nhân khách quan khác còn nợ đọng thuế không có khả năng nộp thuế, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp này thực hiện tốt hơn trong sản xuất, kinh doanh và chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước.

Xuất phát từ tình hình thực hiện nêu trên; căn cứ vào các luật thuế và chế độ thu ngân sách hiện hành;

Căn cứ vào Chỉ thị số 790-TTg ngày 26-10-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý thu ngân sách, giải quyết dứt điểm tình trạng nợ đọng thuế, đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu năm 1996; Công văn số

2700-KTTH ngày 30-5-1997 và Công văn số 5949-KTTH ngày 22-11-1997 của Chính phủ về việc xử lý nợ đọng thuế;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân loại, xử lý nợ đọng thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước từ năm 1996 trở về trước (không bao gồm thuế xuất nhập khẩu, phụ thu, phí, lệ phí, tiền phạt) vẫn còn treo nợ không có khả năng nộp ngân sách nhà nước do những nguyên nhân khách quan như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ NỢ ĐONG THUẾ

1. Xem xét hỗ trợ một phần vốn đầu tư bằng hình thức ghi thu, ghi chi qua ngân sách nhà nước:

Những doanh nghiệp được xem xét xử lý bằng hình thức này phải là những doanh nghiệp nhà nước do thiếu vốn đầu tư đã chiếm dụng tiền thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước từ ngày 31 tháng 12 năm 1996 trở về trước để đầu tư, nay xét thấy việc sử dụng vốn đầu tư thực sự có hiệu quả, thể hiện qua kết quả sản xuất, kinh doanh và số phải nộp ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

Mức hỗ trợ vốn đầu tư bằng hình thức ghi thu, ghi chi tối đa bằng số thuế và thu phải nộp ngân sách mà doanh nghiệp đã sử dụng đưa vào đầu tư, sau khi huy động hết các nguồn vốn của đơn vị trong các năm trước và đến hết năm 1996.

2. Xét cho khoan nợ đọng thuế đối với doanh nghiệp nhà nước nợ đọng thuế và các khoản phải nộp ngân sách do sản xuất, kinh doanh bị lỗ, không có khả năng nộp ngân sách nhà nước.

Những doanh nghiệp gặp khó khăn bị lỗ do các nguyên nhân như:

- Sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn, rủi ro bất ngờ.

- Sản xuất, kinh doanh không có hiệu quả do tồn tại từ cơ chế cũ để lại như việc hình thành cơ cấu tài sản cố định, công nghệ sản xuất trước đây lạc hậu, không đồng bộ, không phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh hiện nay nhưng chưa được đầu tư đổi mới thiết bị và công nghệ.

- Sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn về thị trường xuất khẩu do không thực hiện được các

hợp đồng sản xuất cung ứng hàng hóa đã ký với các nước thuộc khối SEV trước đây hoặc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo giá Nhà nước ấn định, không đủ bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh.

- Những doanh nghiệp sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc doanh nghiệp nhỏ, trang thiết bị, công nghệ chủ yếu là loại sản xuất trong nước, bị lỗ, không có khả năng nộp đủ thuế tiêu thụ đặc biệt theo luật, nay đang treo nợ thuế.

Đối với những doanh nghiệp bị lỗ không nộp đủ thuế nêu tại điểm này thì xem xét, chuyển lỗ theo luật và các chế độ hiện hành. Nếu đã xử lý bằng biện pháp trên mà vẫn còn bị lỗ, không có khả năng nộp các khoản nợ ngân sách thì xem xét cho khoan nợ ngân sách (trừ trường hợp đề nghị xóa nợ). Số cho khoan nợ tối đa không vượt quá số lỗ còn lại được xác định sau khi đã xử lý bằng các biện pháp nêu trên.

Đối với những doanh nghiệp nợ đọng thuế đã hợp nhất vào đơn vị khác hoặc đã góp vốn liên doanh với nước ngoài thì các doanh nghiệp hợp nhất hoặc doanh nghiệp liên doanh phải chịu trách nhiệm nộp các khoản nợ đọng về thuế và ngân sách nhà nước. Trong trường hợp các doanh nghiệp này cũng không có khả năng nộp các khoản tồn đọng về thuế nêu trên thì xem xét cho khoan nợ.

3. Xét đề nghị xóa nợ đối với:

a) Doanh nghiệp nhà nước nợ đọng thuế từ những năm trước bị lỗ do nguyên nhân khách quan, nếu đã giải thể, sau khi đã thực hiện quyết định về xử lý vốn, tài sản, công nợ phải thu, phải trả mà số nợ đọng thuế và các khoản phải nộp ngân sách vẫn còn thì cho xóa nợ.

Doanh nghiệp trước đây sản xuất mặt hàng pháo nổ phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thực hiện Chỉ thị số 406-TTg ngày 8-4-1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm buôn bán và đốt pháo nổ, nay đã chuyển đổi ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh nên gặp khó khăn, bị lỗ, còn treo nợ thuế tiêu thụ đặc biệt mặt hàng pháo nay không có khả năng nộp.

b) Các đối tượng là hộ kinh doanh nợ thuế nhưng nay người nợ thuế đã chết, nếu có di sản có giá trị lớn hơn số nợ thuế thì người được hưởng thừa kế phải thực hiện nộp thuế thay cho người đã chết theo Pháp lệnh Thừa kế. Trường hợp người chết không có di sản hoặc giá trị của di

sản nhỏ hơn số nợ thuế thì cho xóa nợ. Các đối tượng là hộ kinh doanh bị thiệt hại lớn về tài sản do thiên tai, hỏa hoạn hoặc chuyển chỗ ở đi nơi khác, sau khi đã kiểm tra xác minh không xác định được đối tượng để thu nợ thuế hoặc không còn khả năng nộp hoàn trả các khoản thuế còn nợ thì đề nghị giải quyết cho xóa nợ.

Những doanh nghiệp nhà nước và đối tượng là hộ kinh doanh nợ đọng thuế bị lỗ nhưng do các nguyên nhân chủ quan liên quan đến trách nhiệm cá nhân, hiện nay đang ở trong giai đoạn thanh tra, điều tra chưa có kết luận cụ thể hoặc đã có kết luận, xử lý trách nhiệm cá nhân thì không thuộc đối tượng xem xét giải quyết khoanh nợ, đề nghị xóa nợ theo hướng dẫn tại Thông tư này.

II. THỦ TỤC, TRÌNH TỰ VÀ THẨM QUYỀN XÉT GIẢI QUYẾT KHOANH NỢ, XÓA NỢ THUẾ

1. Thủ tục hồ sơ:

1.1. Đối với doanh nghiệp nhà nước đề nghị cấp hỗ trợ vốn đầu tư bằng hình thức ghi thu, ghi chi qua ngân sách nhà nước nêu tại điểm 1 Mục I, hồ sơ gồm có:

a) Đơn (công văn) đề nghị giải quyết cấp hỗ trợ vốn đầu tư, nội dung giải trình rõ:

- Tổng trị giá đầu tư theo dự án đầu tư được duyệt.

- Trị giá đầu tư xây dựng cơ bản theo quyết toán hoặc trị giá mua sắm máy móc thiết bị đưa vào đầu tư... đã hoàn thành bàn giao sang sản xuất, kinh doanh.

- Nguồn vốn huy động vào đầu tư:

Trong đó:

+ Vốn của doanh nghiệp (quỹ phát triển sản xuất kinh doanh, vốn kinh doanh khác).

+ Vốn vay ngân hàng và tổ chức, cá nhân khác.

+ Các khoản phải nộp ngân sách (có ghi rõ từng khoản thu) đã chiếm dụng để đầu tư.

b) Dự án đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền duyệt.

c) Quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành; trường hợp chưa có báo cáo quyết toán đầu tư thì phải có

biên bản bàn giao giá trị, khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành bàn giao, báo cáo về tài sản đã mua sắm hoặc các bản kê hóa đơn, chứng từ mua sắm máy móc, thiết bị chủ yếu được Cục Đầu tư phát triển tỉnh, thành phố thẩm định.

d) Quyết toán tài chính, quyết toán thuế của năm trước khi đầu tư và quyết toán các năm trong quá trình đầu tư.

1.2. Đối với doanh nghiệp nhà nước đề nghị xét khoanh nợ nêu tại điểm 2 Mục I, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn xin khoanh nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách trong đó nêu rõ các nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến tình hình tồn đọng thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; đề nghị của doanh nghiệp về việc xử lý các khoản thuế và thu phải nộp ngân sách nhà nước còn tồn đọng từ năm 1996 trở về trước (có phân tích theo từng năm) nhưng đến nay không có khả năng nộp.

b) Quyết định sáp nhập, hợp nhất, giải thể, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi rõ việc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh (nếu có).

c) Quyết toán tài chính, quyết toán thuế đến thời điểm ngừng sản xuất, kinh doanh hoặc thời điểm đề nghị khoanh nợ đọng thuế; xác định rõ các khoản thuế, thu ngân sách nợ đọng. Trường hợp doanh nghiệp có số thuế nợ đọng của nhiều năm thì phải gửi kèm quyết toán tài chính, quyết toán thuế của từng năm.

1.3. Đối với doanh nghiệp nhà nước và hộ kinh doanh đề nghị xóa nợ nêu tại điểm 3 mục I, hồ sơ lập như đối với doanh nghiệp đề nghị cho khoanh nợ và ghi rõ lý do đề nghị xóa nợ. Đối với doanh nghiệp đã giải thể, phá sản phải có biên bản và các quyết định đã xử lý về vốn, tài sản, công nợ phải thu, phải trả.

Hồ sơ đề nghị giải quyết nợ đọng thuế nêu tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 do các doanh nghiệp lập, trường hợp các doanh nghiệp đã giải thể thì Ban Thanh lý của đơn vị giải thể làm hồ sơ, các doanh nghiệp đã sáp nhập vào đơn vị khác thì đơn vị đang hoạt động lập hồ sơ. Hồ sơ sau khi được lập đầy đủ, cơ sở phải gửi đến cơ quan thuế địa phương quản lý doanh nghiệp.

Các hồ sơ đề nghị giải quyết nợ đọng thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước nêu trên đây do các doanh nghiệp lập phải là bản chính, nếu là bản sao phải có xác nhận sao y bản chính hoặc sao công chứng.

2. Trình tự và thẩm quyền giải quyết:

2.1. Đối với việc ghi thu, ghi chi số nợ đọng thuế và các khoản nộp khác qua ngân sách nhà nước.

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý các đối tượng có hồ sơ xin ghi thu, ghi chi qua ngân sách nhà nước số thuế nợ đọng có trách nhiệm kiểm tra xác nhận số thuế còn đọng tổng hợp đầy đủ hồ sơ (nếu là Chi cục Thuế thì gửi hồ sơ về Cục Thuế).

Cục Thuế chuyển hồ sơ cho Cục Đầu tư Phát triển và Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp xem xét thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản mua sắm đã đưa vào sử dụng.

Cục Thuế tổng hợp hồ sơ xin ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước số thuế nợ đọng của các đơn vị trên địa bàn trình lên Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Bộ Tài chính thực hiện ghi thu, ghi chi cho các doanh nghiệp trung ương quản lý và các doanh nghiệp có thuế tiêu thụ đặc biệt; các khoản ghi thu, ngân sách Trung ương hưởng 100%.

Sở Tài chính thực hiện ghi thu, ghi chi cho các doanh nghiệp do địa phương quản lý, sau khi có ý kiến đồng ý của Bộ Tài chính, các khoản ghi thu ngân sách địa phương được hưởng 100%.

2.2. Đối với trường hợp xét khoan và xóa nợ đọng thuế.

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý các đối tượng có hồ sơ xin khoan nợ và xóa nợ đọng thuế có trách nhiệm kiểm tra xác nhận số thuế còn đọng, tập hợp đầy đủ hồ sơ (nếu là Chi cục Thuế thì gửi hồ sơ về Cục Thuế).

Đối với doanh nghiệp nhà nước, Cục Thuế chuyển hồ sơ cho Cục Quản lý vốn và tài sản tại doanh nghiệp xem xét thẩm định quyết toán tài chính. Sau đó Cục Thuế tổng hợp hồ sơ đề nghị khoan nợ, xóa nợ của các đơn vị trên địa bàn trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, có ý kiến gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) để xử lý.

- Bộ Tài chính xem xét ra quyết định khoan nợ cho các doanh nghiệp nhà nước.

- Trường hợp đơn vị đề nghị xóa nợ, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ cho hướng xử lý dứt điểm. Trong thời gian chờ Thủ tướng Chính phủ giải quyết, doanh nghiệp được khoan nợ theo thông báo của Bộ Tài chính.

Riêng các hộ kinh doanh đề nghị xóa nợ, Cục Thuế ra quyết định sau khi có ý kiến của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố.

Căn cứ vào nội dung hướng dẫn trên đây, đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện kịp thời. Hồ sơ (đầy đủ theo quy định trên đây) được gửi đến Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 1998; quá thời hạn trên, Bộ Tài chính sẽ không xem xét giải quyết theo nội dung Thông tư này. Các khoản thuế và thu khác phải nộp ngân sách năm 1997 của các đối tượng thuộc phạm vi xử lý của Thông tư này vẫn phải thực hiện nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo những quy định hiện hành, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, đề nghị các cơ quan, doanh nghiệp báo cáo về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn bổ sung.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

09665860

QUYẾT ĐỊNH số 179/1998/QĐ-BTC
ngày 24-2-1998 về việc ban hành
bản Quy định về tiền thuê đất,
mặt nước, mặt biển áp dụng đối
với các hình thức đầu tư nước
ngoài tại Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật
Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số
10/1998/ND-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ
về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm
hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt
Nam,